


I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tác giả

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Nơi công tác	Điện thoại	Tỷ lệ % đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến (ghi rõ đối với từng đồng tác giả)	Chữ ký của tác giả, đồng tác giả
1	Họ và tên: Hoàng Thị Xuyên	19/4/ 1976	Đại học Sư phạm Văn	Giáo viên	Trường THCS Trục Đại	0987382698	100%	

Tên sáng kiến: “Rèn kỹ năng làm phân đọc hiểu văn bản cho học sinh lớp 9 ôn thi THPT”

2. Lĩnh vực áp dụng: Môn Ngữ văn /THCS.

3. Thời gian áp dụng hoặc áp dụng thử của sáng kiến: Từ tháng 9/2025 đến tháng 3/2026.

II. MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục hiện nay, mục tiêu của việc dạy học không còn dừng lại ở việc truyền thụ kiến thức một chiều mà đã chuyển mạnh sang phát triển phẩm chất và năng lực người học. Đặc biệt, đối với môn Ngữ văn – một môn học vừa mang tính khoa học, vừa mang tính nghệ thuật – yêu cầu đặt ra không chỉ là giúp học sinh hiểu nội dung văn bản mà còn phải hình thành năng lực tư duy, khả năng cảm thụ, phân tích và vận dụng ngôn ngữ vào thực tiễn cuộc sống.

Theo định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông mới, năng lực ngôn ngữ được xác định là một trong những năng lực cốt lõi cần được hình thành và phát triển cho học sinh. Trong đó, năng lực đọc hiểu giữ vai trò nền tảng, bởi đọc hiểu không chỉ là quá trình tiếp nhận thông tin mà còn là quá trình tư duy, phân tích, đánh giá và sáng tạo, vận dụng kiến thức thực tế. Khi học sinh có kỹ năng đọc hiểu tốt, các em sẽ có khả năng tự học, tự nghiên cứu và tiếp cận tri thức một cách chủ động, từ đó nâng cao hiệu quả học tập không chỉ trong môn Ngữ văn mà còn ở các môn học khác.

Trong cấu trúc đề thi Ngữ văn hiện nay, đặc biệt là các kỳ thi chuyển cấp, phần đọc hiểu văn bản luôn giữ vị trí quan trọng, thường chiếm khoảng 4,0 điểm trong tổng số điểm của bài thi chỉ có tự luận mà không thi trắc nghiệm. Đây là phần kiểm tra mang tính tổng hợp nhiều lượng kiến thức, đánh giá trực tiếp nhiều năng lực của học sinh với ngữ liệu ngoài sách giáo khoa như: khả năng nhận diện vấn đề, phân tích nội dung, hiểu ý nghĩa văn bản, vận dụng kiến thức tiếng Việt và trình bày suy

ngữ cá nhân một cách rõ ràng, logic. Khác với trước đây, khi đề thi chủ yếu xoay quanh các văn bản trong sách giáo khoa, hiện nay phần đọc hiểu sử dụng các ngữ liệu hoàn toàn mới, đòi hỏi học sinh phải có kỹ năng thực sự chứ không thể học thuộc hay “học tủ”.

Chính sự thay đổi này đã tạo ra cả cơ hội và thách thức đối với học sinh. Nếu được trang bị đầy đủ kỹ năng đọc hiểu, học sinh sẽ dễ dàng thích nghi, phát huy được năng lực của bản thân. Ngược lại, nếu thiếu kỹ năng, các em sẽ gặp nhiều khó khăn, dẫn đến tâm lý lo lắng, thiếu tự tin khi làm bài.

Qua thực tế giảng dạy tại Trường THCS Trục Đại, đặc biệt là khi trực tiếp giảng dạy các lớp 9C, 9D, 9E trong quá trình ôn thi, tôi nhận thấy rằng phần đọc hiểu văn bản là một trong những nội dung mà học sinh còn gặp nhiều trở ngại nhất. Những khó khăn này không chỉ thể hiện qua kết quả bài kiểm tra mà còn bộc lộ rõ trong quá trình học tập hằng ngày.

Trước hết, nhiều học sinh chưa xác định được yêu cầu của câu hỏi. Khi tiếp cận đề bài, các em thường đọc qua loa, không phân tích kỹ yêu cầu, dẫn đến việc trả lời sai hoặc không đúng trọng tâm. Ví dụ, câu hỏi yêu cầu “nêu nội dung chính” nhưng học sinh lại kể lại toàn bộ đoạn văn; hoặc câu hỏi yêu cầu “chỉ ra biện pháp tu từ” nhưng học sinh lại phân tích nội dung. Điều này cho thấy học sinh chưa có kỹ năng nhận diện dạng câu hỏi – một kỹ năng rất quan trọng trong phần đọc hiểu.

Bên cạnh đó, tình trạng trả lời lan man hoặc thiếu ý diễn ra khá phổ biến. Một số học sinh có xu hướng viết dài dòng, diễn đạt vòng vo nhưng không đi vào trọng tâm, trong khi một số khác lại trả lời quá ngắn, thiếu nội dung cần thiết. Nguyên nhân chủ yếu là do học sinh chưa biết cách tổ chức câu trả lời một cách khoa học, chưa nắm được yêu cầu về độ dài và mức độ chi tiết của từng dạng câu hỏi.

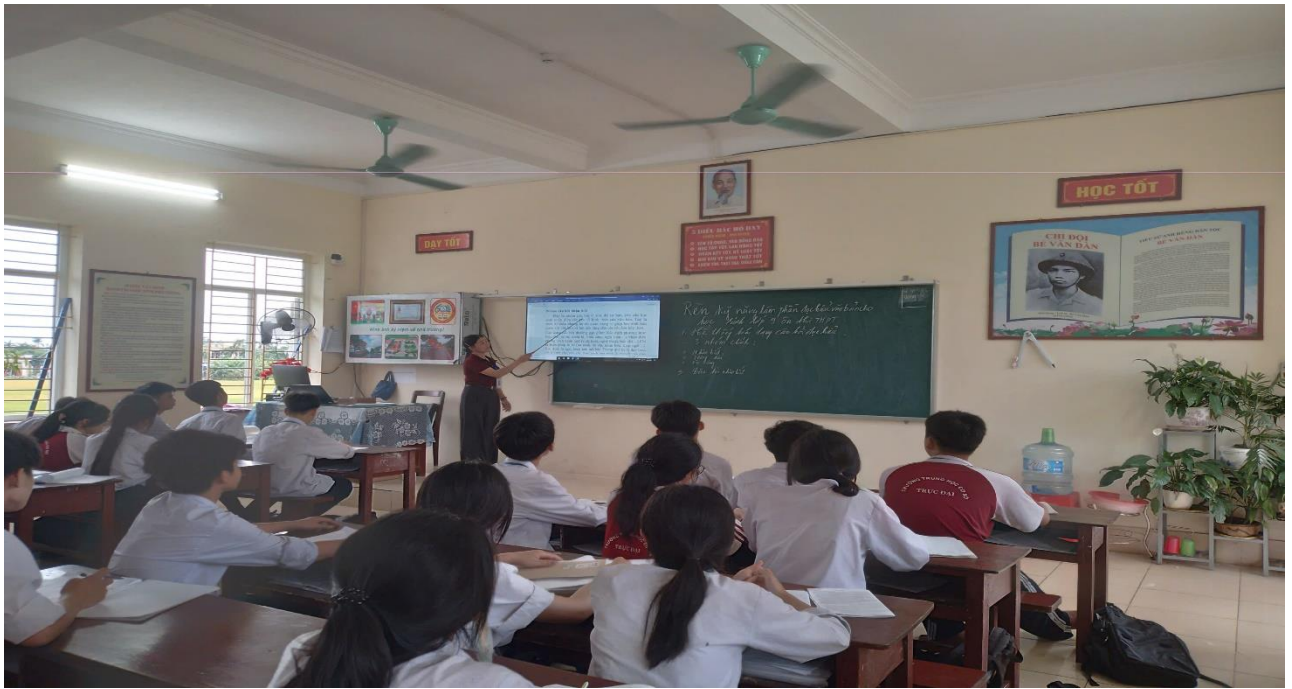
Một hạn chế khác là kỹ năng diễn đạt của học sinh còn yếu. Nhiều em gặp khó khăn trong việc sử dụng từ ngữ chính xác, câu văn thiếu mạch lạc, mắc lỗi ngữ pháp hoặc diễn đạt không rõ ý. Điều này khiến cho câu trả lời dù có ý đúng nhưng vẫn không đạt điểm cao. Đây là vấn đề không chỉ ảnh hưởng đến phần đọc hiểu mà còn tác động đến toàn bộ kết quả học tập môn Ngữ văn.

Ngoài ra, một bộ phận học sinh còn thiếu tự tin và có tâm lý e ngại khi làm phần đọc hiểu. Các em thường cho rằng đây là phần khó, không biết học như thế nào để đạt điểm cao, từ đó hình thành tâm lý “sợ học”, thiếu chủ động trong quá trình luyện tập. Khi gặp văn bản mới, nhiều em không biết bắt đầu từ đâu, không biết cách khai thác thông tin, dẫn đến việc bỏ trống hoặc làm bài một cách đối phó.

Những hạn chế trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Trước hết, việc rèn luyện kỹ năng đọc hiểu cho học sinh chưa được thực hiện một cách thường xuyên và có hệ thống. Nhiều khi giáo viên mới chỉ dừng lại ở việc chữa bài mà chưa hướng dẫn cụ thể phương pháp làm bài. Bên cạnh đó, phương pháp học tập của học sinh còn mang tính thụ động, chủ yếu dựa vào ghi nhớ mà chưa chú trọng đến việc hiểu và vận dụng. Thời gian dành cho luyện tập phần đọc hiểu cũng còn hạn chế so với yêu cầu thực tế.

Những khó khăn và hạn chế này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả làm bài thi mà còn làm giảm hứng thú học tập của học sinh đối với môn Ngữ văn. Nếu không có những giải pháp phù hợp và kịp thời, học sinh sẽ khó đạt được kết quả cao trong các kỳ thi, đặc biệt là kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 – một kỳ thi có ý nghĩa quan trọng trong quá trình học tập của các em.

Xuất phát từ thực tiễn giảng dạy và những vấn đề nêu trên, tôi nhận thấy việc nghiên cứu và xây dựng các giải pháp nhằm rèn kỹ năng làm phần đọc hiểu văn bản cho học sinh lớp 9 là hết sức cần thiết và cấp bách. Đây không chỉ là yêu cầu nhằm nâng cao kết quả thi mà còn góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực tư duy và khả năng tự học cho học sinh.



Giờ học môn Ngữ văn dạy bài đọc hiểu của lớp 9C- Trường THCS Trục Đại

Vì vậy, tôi đã mạnh dạn lựa chọn và thực hiện sáng kiến:

“Rèn kỹ năng làm phần đọc hiểu văn bản cho học sinh lớp 9 trong quá trình ôn thi THPT”.

Sáng kiến tập trung vào việc xây dựng hệ thống giải pháp cụ thể, thiết thực và dễ áp dụng, bao gồm: hệ thống hóa dạng câu hỏi, rèn kỹ năng đọc nhanh – xác định ý chính, hướng dẫn trả lời theo công thức, tổ chức luyện tập theo chuyên đề, sử dụng sơ đồ tư duy và tăng cường kiểm tra – đánh giá. Các giải pháp này được triển khai đồng bộ nhằm giúp học sinh từng bước hình thành kỹ năng đọc hiểu một cách vững chắc.

Thông qua việc áp dụng sáng kiến, tôi mong muốn góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn tại nhà trường, giúp học sinh không chỉ đạt kết quả tốt trong các kỳ thi mà còn hình thành được phương pháp học tập đúng đắn, phát triển tư duy và khả năng sử dụng ngôn ngữ trong cuộc sống.

III. PHÂN NỘI DUNG

1. Mô tả giải pháp đã biết

Trong quá trình giảng dạy môn Ngữ văn tại Trường THCS Trục Đại, đặc biệt ở khối lớp 9 – giai đoạn chuẩn bị cho kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT, tôi nhận thấy phần đọc hiểu văn bản giữ vai trò rất quan trọng trong cấu trúc đề thi. Tuy nhiên, trước khi áp dụng sáng kiến, việc tổ chức dạy học và rèn luyện kỹ năng làm bài đọc hiểu cho học sinh vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục theo định hướng phát triển năng lực.

Để có cơ sở đề xuất các giải pháp phù hợp và hiệu quả, việc phân tích đầy đủ thực trạng dạy học phần đọc hiểu là điều cần thiết. Thực trạng này được xem xét trên các phương diện: ưu điểm, nhược điểm và nguyên nhân.

1.1. Ưu điểm

Trước hết, về phía giáo viên, đa số giáo viên giảng dạy môn Ngữ văn tại nhà trường đều có trình độ chuyên môn vững vàng, có kinh nghiệm trong công tác giảng dạy và ôn thi cho học sinh lớp 9. Giáo viên nắm chắc cấu trúc đề thi, hiểu rõ các dạng câu hỏi đọc hiểu thường gặp và có khả năng hướng dẫn học sinh làm bài ở mức cơ bản. Đây là một điều kiện thuận lợi giúp việc triển khai dạy học phần đọc hiểu có nền tảng tương đối ổn định.

Bên cạnh đó, giáo viên luôn có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình trong công tác giảng dạy, sẵn sàng đổi mới phương pháp nhằm nâng cao chất lượng học tập của học sinh. Trong quá trình dạy học, giáo viên đã bước đầu áp dụng một số phương pháp tích cực như: tổ chức thảo luận nhóm, cho học sinh luyện tập trên lớp, chữa bài chi tiết... Những hoạt động này đã góp phần giúp học sinh làm quen với dạng bài đọc hiểu và cải thiện phần nào kỹ năng làm bài.

Về phía học sinh, đa số các em đã được tiếp cận với phần đọc hiểu từ các lớp dưới nên không hoàn toàn xa lạ với dạng bài này. Học sinh đã có những kiến thức cơ bản về tiếng Việt, về các biện pháp tu từ, phương thức biểu đạt và một số kỹ năng đọc hiểu đơn giản. Đây là nền tảng quan trọng để tiếp tục rèn luyện và nâng cao kỹ năng trong giai đoạn lớp 9.

Ngoài ra, nội dung phần đọc hiểu tương đối rõ ràng, có thể phân chia thành các dạng câu hỏi cụ thể theo các mức độ: nhận biết, thông hiểu và vận dụng. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên trong việc xây dựng kế hoạch giảng dạy và giúp học sinh dễ tiếp cận nếu được hướng dẫn đúng phương pháp.

Có thể thấy rằng, những yếu tố về đội ngũ giáo viên, nền tảng học sinh và cấu trúc nội dung đã tạo ra những điều kiện thuận lợi nhất định cho việc tổ chức dạy học phần đọc hiểu. Tuy nhiên, những ưu điểm này chưa đủ để đảm bảo hiệu quả cao nếu không có phương pháp tổ chức phù hợp và hệ thống.

1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, thực tế giảng dạy cho thấy việc dạy và học phần đọc hiểu vẫn còn nhiều hạn chế đáng kể, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng học tập của học sinh.

Trước hết, học sinh chưa có phương pháp làm bài rõ ràng. Khi tiếp cận một văn bản mới, nhiều em không biết bắt đầu từ đâu, không biết đọc như thế nào cho hiệu quả, cũng như không có quy trình cụ thể để xử lý câu hỏi. Việc làm bài chủ yếu dựa vào cảm tính, dẫn đến kết quả không ổn định và thiếu chính xác.

Một hạn chế nổi bật là học sinh chưa biết nhận diện dạng câu hỏi. Trong phần đọc hiểu, mỗi câu hỏi đều có yêu cầu riêng và cần có cách trả lời phù hợp. Tuy nhiên, nhiều học sinh không phân biệt được các dạng câu hỏi như: câu hỏi nhận biết, thông hiểu hay vận dụng. Khi không xác định đúng yêu cầu đề, học sinh dễ trả lời sai hoặc không đúng trọng tâm, dù có hiểu nội dung văn bản.

Ngoài ra, tình trạng trả lời thiếu logic, sai trọng tâm diễn ra khá phổ biến. Một số học sinh viết dài dòng nhưng không tập trung vào ý chính, trong khi một số khác lại trả lời quá ngắn, thiếu nội dung cần thiết. Nhiều bài làm không có cấu trúc rõ ràng, ý tưởng rời rạc, thiếu liên kết, khiến người chấm khó theo dõi và đánh giá.

Kỹ năng đọc hiểu và diễn đạt của học sinh còn yếu cũng là một vấn đề đáng quan tâm. Nhiều em đọc chậm, không xác định được ý chính của đoạn văn, không biết cách tìm từ khóa. Khi trả lời câu hỏi, học sinh thường mắc lỗi về ngữ pháp, dùng từ chưa chính xác, câu văn lủng củng, thiếu mạch lạc. Điều này làm giảm chất lượng bài làm và ảnh hưởng đến điểm số.

Một thực trạng khác là học sinh còn thiếu tự tin khi làm bài đọc hiểu. Các em thường có tâm lý “sợ” phần này vì cho rằng khó, không biết học như thế nào để đạt điểm cao. Khi gặp văn bản mới, nhiều em lúng túng, không dám đưa ra ý kiến của mình hoặc trả lời một cách đối phó.

Bên cạnh đó, mức độ chênh lệch giữa các học sinh trong lớp cũng gây khó khăn cho việc tổ chức dạy học. Một số học sinh khá, giỏi có khả năng tiếp thu nhanh, trong khi học sinh trung bình, yếu lại gặp nhiều khó khăn, dẫn đến việc khó áp dụng một phương pháp chung cho tất cả.

Những hạn chế trên cho thấy việc dạy học phần đọc hiểu chưa đạt hiệu quả như mong muốn và cần có sự thay đổi về phương pháp cũng như cách tổ chức.

1.3. Nguyên nhân

Những nhược điểm nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, cả từ phía học sinh, giáo viên và điều kiện dạy học.

Trước hết, học sinh chưa được rèn luyện kỹ năng đọc hiểu một cách thường xuyên và có hệ thống. Việc luyện tập còn mang tính rời rạc, chưa theo chuyên đề, chưa giúp học sinh hình thành phương pháp làm bài rõ ràng. Các em chủ yếu làm bài theo từng văn bản riêng lẻ mà chưa thấy được sự liên hệ giữa các dạng câu hỏi.

Thứ hai, phương pháp học tập của học sinh còn mang tính thụ động. Nhiều em vẫn quen với cách học thuộc lòng, ghi nhớ máy móc mà chưa chú trọng đến việc hiểu bản chất vấn đề. Khi gặp dạng bài yêu cầu tư duy, phân tích hoặc vận dụng, các em dễ lúng túng và không biết cách xử lí.

Thứ ba, học sinh chưa được hướng dẫn cụ thể về cách trả lời từng dạng câu hỏi. Trong nhiều trường hợp, giáo viên chỉ đưa ra đáp án mà chưa phân tích cách làm, chưa chỉ rõ cấu trúc câu trả lời. Điều này khiến học sinh không biết “trả lời như thế nào cho đúng”, dẫn đến việc làm bài thiếu chính xác.

Ngoài ra, thời gian dành cho việc luyện tập phần đọc hiểu còn hạn chế. Giáo viên phải đảm bảo tiến độ chương trình, nên chưa có nhiều thời gian để rèn luyện chuyên sâu cho học sinh. Điều này ảnh hưởng đến việc hình thành kỹ năng lâu dài.

Một nguyên nhân khác là việc kiểm tra – đánh giá chưa thực sự thường xuyên và hiệu quả. Nếu học sinh không được kiểm tra liên tục và không được chỉ ra lỗi sai cụ thể, các em sẽ khó nhận ra hạn chế của bản thân và khó có cơ hội cải thiện.

Bên cạnh đó, một số học sinh còn thiếu ý thức tự học, chưa chủ động trong việc luyện tập. Các em ít làm bài tập ở nhà, không tự tìm tòi tài liệu, dẫn đến kỹ năng không được củng cố và phát triển.

1.4. Kết luận thực trạng

Từ việc phân tích các ưu điểm, nhược điểm và nguyên nhân nêu trên, có thể thấy rằng việc dạy học phần đọc hiểu văn bản tại nhà trường tuy đã có những điều kiện thuận lợi nhất định nhưng vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế cần được khắc phục. Những hạn chế này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập mà còn tác động tiêu cực đến tâm lý và thái độ học tập của học sinh, khiến các em thiếu tự tin, ngại tiếp cận dạng bài và chưa chủ động trong quá trình học tập. Nếu không có những giải pháp phù hợp và kịp thời, học sinh sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc đạt kết quả cao trong các kỳ thi, đồng thời khó phát triển năng lực ngôn ngữ một cách toàn diện theo yêu cầu của chương trình giáo dục hiện nay. Chính vì vậy, việc xây dựng và áp dụng các giải pháp mới mang tính hệ thống, khoa học và hiệu quả là hết sức cần thiết. Các giải pháp cần tập trung giúp học sinh nắm vững phương pháp làm bài, nhận diện chính xác dạng câu hỏi, nâng cao kỹ năng đọc hiểu, cải thiện khả năng diễn đạt và hình thành thói quen học tập chủ động. Từ đó, góp phần tạo nền tảng vững chắc nhằm nâng cao chất lượng dạy học và giúp học sinh đạt kết quả cao trong các kỳ thi.

2. Nội dung các giải pháp mới

2.1. Các giải pháp thực hiện

Giải pháp 1: Hệ thống hóa toàn bộ dạng câu hỏi đọc hiểu

1. Mục tiêu của giải pháp

Trong quá trình giảng dạy thực tế tại các lớp 9C, 9D, 9E, tôi nhận thấy một trong những nguyên nhân khiến học sinh làm bài đọc hiểu chưa hiệu quả là do các em chưa nhận diện được dạng câu hỏi. Khi không xác định đúng yêu cầu đề, học sinh dễ trả lời sai hoặc lạc hướng, dù có hiểu nội dung văn bản. Vì vậy, việc hệ thống hóa các dạng câu hỏi đọc hiểu là bước đầu tiên và quan trọng nhất nhằm giúp học sinh có “kim chỉ nam” khi làm bài. Giải pháp này hướng tới các mục tiêu cụ thể:

Giúp học sinh nhận diện nhanh và chính xác các dạng câu hỏi thường gặp trong phần đọc hiểu. Hình thành cho học sinh tư duy phân loại, từ đó biết lựa chọn cách trả lời phù hợp với từng dạng. Giảm tình trạng trả lời sai yêu cầu hoặc lan man, không đúng trọng tâm. Tạo sự tự tin cho học sinh khi tiếp cận các văn bản mới trong đề thi. Khi học sinh đã nắm chắc hệ thống dạng câu hỏi, các em sẽ không còn cảm giác “mơ hồ” hay “sợ” phần đọc hiểu, mà thay vào đó là sự chủ động và tự tin trong quá trình làm bài.

2. Nội dung thực hiện

Để triển khai giải pháp này, tôi tiến hành xây dựng một hệ thống các dạng câu hỏi đọc hiểu dựa trên cấu trúc đề thi hiện hành và định hướng đánh giá năng lực học sinh. Hệ thống được chia thành 3 nhóm chính: **nhận biết – thông hiểu – vận dụng**.

2.1. Nhóm câu hỏi nhận biết

Đây là nhóm câu hỏi ở mức độ cơ bản, yêu cầu học sinh nhận diện các yếu tố hình thức của văn bản. Tuy là mức độ thấp nhưng lại rất quan trọng vì giúp học sinh làm quen với văn bản và tạo nền tảng cho các câu hỏi tiếp theo.

Các dạng câu hỏi thường gặp gồm: Xác định phương thức biểu đạt (tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận...). Nhận diện phong cách ngôn ngữ (sinh hoạt, nghệ thuật, báo chí...). Chỉ ra biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, nhân hóa, điệp ngữ...). Xác định từ ngữ, hình ảnh nổi bật. Trong quá trình dạy học, tôi không chỉ yêu cầu học sinh ghi nhớ lý thuyết mà còn hướng dẫn các em cách nhận diện nhanh thông qua dấu hiệu đặc trưng.

Ví dụ: Văn bản có nhiều cảm xúc → biểu cảm. Có lập luận, lí lẽ → nghị luận. Có hình ảnh so sánh → biện pháp so sánh

Ví dụ minh họa: Đề bài: “Con đường học vấn không có dấu chân của kẻ lười biếng.”: Chỉ ra biện pháp tu từ trong câu trên. **Tôi hướng dẫn học phân tích:** “Con đường học vấn” không phải con đường thật → nghĩa chuyển → Đây là hình ảnh mang tính ẩn dụ. Biện pháp tu từ ẩn dụ (“con đường học vấn”). Thông qua việc phân tích cụ thể như vậy, học sinh sẽ hiểu bản chất thay vì chỉ học thuộc khái niệm.

2.2. Nhóm câu hỏi thông hiểu

Đây là nhóm câu hỏi yêu cầu học sinh hiểu được nội dung và ý nghĩa của văn bản. So với mức độ nhận biết, nhóm này đòi hỏi học sinh phải có khả năng khái quát và diễn đạt lại thông tin theo cách hiểu của mình.

Các dạng câu hỏi thường gặp: Nêu nội dung chính của đoạn văn; giải thích ý nghĩa câu văn; xác định thông điệp của văn bản; trong thực tế, học sinh thường gặp khó khăn ở nhóm này do: Không biết tóm tắt nội dung. Trả lời quá dài hoặc quá ngắn, diễn đạt chưa rõ ràng.

Để khắc phục, tôi hướng dẫn học sinh cách trả lời theo nguyên tắc: **ngắn gọn – đúng ý, đủ ý.**

Ví dụ minh họa: Nêu nội dung chính của đoạn văn. tôi cho học sinh xác định từ khóa

Gộp ý thành 1–2 câu → Đoạn văn nói về vai trò của ý chí trong học tập và cuộc sống.

Ngoài ra, tôi thường cho học sinh so sánh giữa câu trả lời đúng và sai để các em rút kinh nghiệm.

2.3. Nhóm câu hỏi vận dụng

Đây là nhóm câu hỏi ở mức độ cao, yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức và hiểu biết để đưa ra quan điểm cá nhân.

Các dạng câu hỏi phổ biến: Rút ra bài học từ văn bản; liên hệ với bản thân hoặc thực tế; trình bày suy nghĩ cá nhân. Đối với nhóm này, nhiều học sinh thường: trả lời chung chung; không biết liên hệ; ngại viết. Vì vậy, tôi hướng dẫn học sinh theo công thức đơn giản:

Câu trúc trả lời: Rút ra bài học; liên hệ bản thân. **Ví dụ:** Anh/chị rút ra bài học gì từ đoạn văn?

Trả lời mẫu: Từ đoạn văn, em nhận thấy cần phải có ý chí và nghị lực trong học tập. Bản thân em sẽ cố gắng học tập chăm chỉ, không bỏ cuộc trước khó khăn. Việc đưa thêm phần liên hệ giúp bài làm có chiều sâu và dễ đạt điểm cao hơn.

3. Cách tổ chức thực hiện

Để giải pháp đạt hiệu quả cao, tôi đã triển khai theo các bước cụ thể:

Thứ nhất, xây dựng bảng hệ thống dạng câu hỏi và treo tại lớp học để học sinh dễ quan sát, ghi nhớ. Bảng được trình bày rõ ràng, phân chia thành 3 nhóm với ví dụ cụ thể.

Thứ hai, trong mỗi tiết học, giáo viên luôn yêu cầu học sinh xác định dạng câu hỏi trước khi trả lời. Việc này được thực hiện thường xuyên để hình thành thói quen.

Thứ ba, tổ chức các hoạt động luyện tập theo từng dạng: Làm bài tập nhận diện nhanh; thảo luận nhóm; trò chơi phân loại câu hỏi.

Thứ tư, kiểm tra nhanh đầu giờ bằng hình thức trắc nghiệm hoặc hỏi miệng để củng cố kiến thức.

Thứ năm, kết hợp với việc chữa bài chi tiết, chỉ rõ học sinh sai ở bước nào: không nhận diện đúng dạng hay trả lời chưa đúng yêu cầu.

4. Hiệu quả của giải pháp

Sau một thời gian áp dụng tại các lớp 9C, 9D, 9E, tôi nhận thấy những chuyển biến rõ rệt: Học sinh không còn lúng túng khi làm bài đọc hiểu; tỷ lệ nhận diện đúng dạng câu hỏi tăng lên đáng kể; câu trả lời có trọng tâm hơn, hạn chế lan man; học sinh tự tin hơn khi tiếp cận văn bản mới; không khí học tập trở nên tích cực hơn. Đặc biệt, qua các bài kiểm tra, số lượng học sinh làm đúng các câu hỏi nhận biết và thông hiểu tăng rõ rệt, đồng thời chất lượng câu trả lời ở phần vận dụng cũng được cải thiện. Có thể khẳng định rằng, việc hệ thống hóa dạng câu hỏi đọc hiểu là một giải pháp nền tảng, có ý nghĩa quyết định trong việc nâng cao kỹ năng làm bài cho học sinh. Đây cũng là cơ sở để triển khai các giải pháp tiếp theo một cách hiệu quả hơn.

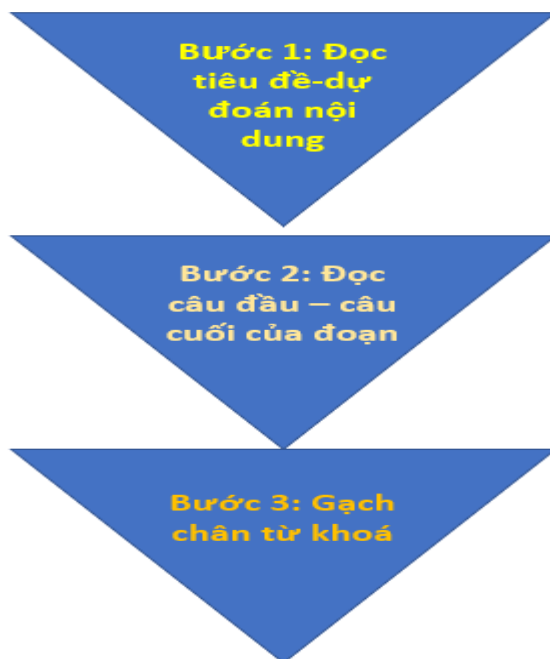
Giải pháp 2: Dạy kỹ năng đọc nhanh – xác định ý chính

1. Mục tiêu của giải pháp

Trong phần đọc hiểu, thời gian làm bài thường hạn chế, trong khi học sinh phải xử lý một văn bản hoàn toàn mới. Vì vậy, nếu không có kỹ năng đọc nhanh và xác định ý chính, học sinh dễ rơi vào tình trạng: Đọc chậm, mất nhiều thời gian; không hiểu đúng nội dung văn bản; trả lời sai hoặc thiếu ý. Từ thực tế giảng dạy tại các lớp 9C, 9D, 9E, tôi nhận thấy nhiều học sinh có thói quen đọc từng câu một cách máy móc, không biết cách tìm ý chính, dẫn đến việc làm bài kém hiệu quả. Do đó, giải pháp này được xây dựng nhằm giúp học sinh: Hình thành kỹ năng đọc nhanh nhưng vẫn đảm bảo hiểu đúng nội dung; biết cách xác định trọng tâm của văn bản; nâng cao khả năng xử lý thông tin trong thời gian ngắn; tăng sự tự tin khi làm phần đọc hiểu. Đây là một kỹ năng quan trọng, không chỉ phục vụ cho môn Ngữ văn mà còn cần thiết trong nhiều môn học khác và trong cuộc sống.

2. Nội dung thực hiện

Để giúp học sinh dễ tiếp cận và thực hành, tôi hướng dẫn quy trình đọc hiểu theo **3 bước cơ bản**, được áp dụng linh hoạt trong mọi dạng văn bản.



Quy trình đọc hiểu 3 bước cơ bản.

Bước 1: Đọc tiêu đề – dự đoán nội dung

Tiêu đề là “chìa khóa” giúp người đọc định hướng nội dung văn bản. Việc đọc tiêu đề trước khi đọc nội dung sẽ giúp học sinh: Hình dung sơ bộ về chủ đề; tạo định hướng khi đọc; dễ dàng nắm bắt ý chính hơn. Từ đó tôi đưa ra cách hướng dẫn học sinh: Đọc chậm tiêu đề; xác định từ khóa chính trong tiêu đề; dự đoán nội dung văn bản. Ví dụ như “Ý chí và thành công”. Từ khóa: ý chí, thành công. HS chủ động dự đoán: Văn bản nói về vai trò của ý chí đối với thành công. **Một số ví dụ khác:** “Lòng nhân ái trong cuộc sống” → nói về tình yêu thương: “Sức mạnh của sự kiên trì” → nói về nghị lực. Thông qua bước này, học sinh đã có định hướng ban đầu, giúp việc đọc nội dung trở nên dễ dàng hơn.

Bước 2: Đọc câu đầu – câu cuối của đoạn

Trong nhiều văn bản, đặc biệt là văn bản nghị luận, câu đầu và câu cuối thường chứa ý chính của đoạn.

Mục đích: Xác định nhanh nội dung chính; Không cần đọc toàn bộ chi tiết ngay từ đầu. Tôi hướng dẫn học sinh cách thực hiện: Đọc câu mở đầu → xác định vấn đề; Đọc câu kết → xác định kết luận. Ví dụ như: Đoạn văn: “Cuộc sống luôn có nhiều khó khăn, thử thách. Tuy nhiên, chính những thử thách đó giúp con người trưởng thành hơn...” Câu đầu: nói về khó khăn. Câu cuối: nói về ý nghĩa của khó khăn → Kết luận: Đoạn văn nói về vai trò của khó khăn trong cuộc sống

Bước 3: Gạch chân từ khóa

Sau khi đọc sơ bộ, học sinh cần xác định các từ khóa quan trọng. HS xác định Từ khóa là gì? Là những từ thể hiện nội dung chính của đoạn văn, thường lặp lại hoặc mang ý nghĩa trọng tâm. Tôi hướng dẫn HS: Gạch chân các từ quan trọng; không gạch quá nhiều; tập trung vào danh từ, động từ chính. Ví dụ: “Ý chí giúp con người vượt qua khó khăn, thử thách để đạt được thành công.” → Từ khóa: ý chí, vượt qua, khó khăn, thành công. Ý nghĩa: → Đoạn văn nói về vai trò của ý chí.



Hình ảnh giáo viên hướng dẫn học sinh gạch chân từ khóa trong bài đọc hiểu

3. Ví dụ minh họa tổng hợp

Đoạn văn: “Cuộc sống luôn có khó khăn, thử thách. Người có ý chí sẽ không bỏ cuộc mà luôn nỗ lực vượt qua. Chính ý chí giúp con người đạt được thành công và khẳng định bản thân.” Tôi tiếp tục hướng dẫn học sinh thực hiện:

Bước 1: Đọc tiêu đề (giả sử) “Ý chí trong cuộc sống”

Bước 2: Đọc câu đầu – cuối; câu đầu: nói về khó khăn; câu cuối: nói về thành công

Bước 3: Gạch từ khóa (khó khăn, ý chí, vượt qua, thành công)

Kết luận: Nội dung chính: Vai trò của ý chí trong việc giúp con người vượt qua khó khăn và đạt được thành công

4. Tổ chức thực hiện trên lớp

Để học sinh thành thạo kỹ năng này, tôi tổ chức các hoạt động cụ thể:

4.1. Luyện tập theo từng bước

Ban đầu: giáo viên hướng dẫn từng bước; sau đó: học sinh tự thực hiện

4.2. Hoạt động nhóm

Tôi chia lớp thành nhóm; mỗi nhóm phân tích một đoạn văn; trình bày kết quả

Trò chơi học tập

Ví dụ: “Tìm từ khóa nhanh nhất” là “Đoán nội dung qua tiêu đề”

Luyện tập thường xuyên

Mỗi buổi học đều có bài tập đọc hiểu, tăng dần độ khó.

Những lỗi học sinh thường gặp và cách khắc phục

Lỗi	Nguyên nhân	Cách khắc phục
Đọc quá chậm	Đọc từng chữ	Hướng dẫn đọc lướt
Không xác định được ý chính	Không biết tìm từ khóa	Luyện tập nhiều
Gạch quá nhiều	Không biết chọn lọc	Hướng dẫn chọn từ quan trọng
Hiểu sai nội dung	Không đọc kỹ	Kết hợp đọc lại

5. Hiệu quả của giải pháp.

Sau khi áp dụng giải pháp tại các lớp 9C, 9D, 9E, tôi nhận thấy hiệu quả đạt được khá rõ rệt. Học sinh có tốc độ đọc được cải thiện đáng kể, biết cách xác định nội dung chính của văn bản và giảm thiểu rõ rệt các lỗi hiểu sai đề bài. Đồng thời, các em trở nên tự tin hơn khi làm bài. Cụ thể, thời gian hoàn thành bài đọc giảm khoảng 20–30%, tỷ lệ trả lời đúng các câu hỏi về nội dung tăng lên rõ rệt, và đặc biệt học sinh thể hiện sự hứng thú hơn với phần đọc hiểu.

Không chỉ dừng lại ở việc nâng cao kết quả học tập, giải pháp này còn mang ý nghĩa lâu dài khi góp phần phát triển kỹ năng tự học, rèn luyện tư duy logic và có thể vận dụng hiệu quả trong nhiều môn học khác. Đây là một kỹ năng nền tảng quan trọng, cần được duy trì và rèn luyện thường xuyên để đạt hiệu quả bền vững.

Giải pháp 3: Rèn kỹ năng trả lời theo “công thức”

1. Mục tiêu của giải pháp

Trong quá trình chấm bài đọc hiểu của học sinh lớp 9C, 9D, 9E, tôi nhận thấy một thực tế khá phổ biến: nhiều em tuy hiểu nội dung văn bản nhưng vẫn không đạt điểm cao do cách trả lời chưa đúng yêu cầu. Một số học sinh viết quá dài dòng, lan man; một số khác lại trả lời quá ngắn, thiếu ý; thậm chí có em trả lời không đúng trọng tâm câu hỏi. Nguyên nhân chủ yếu là do học sinh chưa có kỹ năng trình bày câu trả lời theo một cấu trúc rõ ràng, khoa học. Các em chưa biết “trả lời như thế nào cho đúng” chứ không phải “không biết trả lời”. Vì vậy, việc rèn kỹ năng trả lời theo “công thức” là một giải pháp quan trọng nhằm: Giúp học sinh hình thành thói quen trả lời có cấu trúc rõ ràng; hạn chế tình trạng viết lan man hoặc thiếu ý; đảm bảo câu trả lời đúng yêu cầu của đề bài; nâng cao khả năng diễn đạt bằng ngôn ngữ viết; giúp học sinh dễ đạt điểm tối đa trong phần đọc hiểu. Đây là giải pháp mang tính thực hành cao, có thể áp dụng trực tiếp trong mọi bài đọc hiểu.

2. Nội dung thực hiện

Để học sinh dễ nhớ và dễ áp dụng, tôi xây dựng các “công thức trả lời” tương ứng với từng dạng câu hỏi phổ biến.

Công thức chuẩn:-



2.1. Công thức trả lời câu hỏi về biện pháp tu từ

Đây là dạng câu hỏi rất thường gặp trong phần đọc hiểu. Tuy nhiên, nhiều học sinh chỉ dừng lại ở việc nêu tên biện pháp mà không phân tích tác dụng, dẫn đến mất điểm.

Ví dụ minh họa: “Ý chí là ngọn lửa soi sáng con đường thành công.” Câu hỏi: Nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu trên. Tôi hướng dẫn học sinh: “Ngọn lửa” → hình ảnh so sánh/ẩn dụ → làm nổi bật vai trò của ý chí, Trả lời hoàn chỉnh: → Biện pháp tu từ ẩn dụ giúp làm nổi bật vai trò của ý chí trong việc dẫn dắt con người đến thành công, đồng thời tăng tính biểu cảm cho câu văn. Tôi lưu ý khi dạy học sinh: Không chỉ nêu tên biện pháp.

; Phải có từ “giúp” hoặc “làm nổi bật” trong phần tác dụng; Tránh trả lời chung chung

2.2. Công thức trả lời câu hỏi về nội dung

Đây là dạng câu hỏi yêu cầu học sinh nêu nội dung chính hoặc ý nghĩa của đoạn văn.

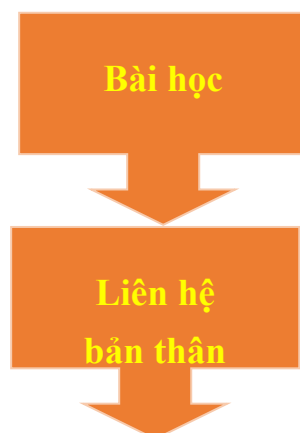
Nhiều học sinh mắc lỗi: Viết quá dài (kể lại toàn bộ đoạn văn). Hoặc quá ngắn (thiếu ý)

Tôi định hướng công thức hướng dẫn học sinh trả lời ngắn gọn (1–2 câu), nêu đúng trọng tâm. Ví dụ minh họa qua đoạn văn: “Trong cuộc sống, mỗi người đều phải đối mặt với khó khăn. Chính những thử thách đó giúp con người trưởng thành hơn.” Học sinh nêu nội dung chính của đoạn văn. → Đoạn văn nói về vai trò của khó khăn, thử thách trong việc giúp con người trưởng thành.

So sánh: ✗ Sai: → Đoạn văn nói rất nhiều về cuộc sống và khó khăn và con người... (lan man). ✓ Đúng: → Ngắn gọn, rõ ý.

(3) Công thức trả lời câu hỏi vận dụng

Đây là dạng câu hỏi yêu cầu học sinh rút ra bài học hoặc liên hệ bản thân. Đây cũng là dạng câu hỏi giúp học sinh thể hiện suy nghĩ cá nhân. Học sinh rút ra bài học, liên hệ bản thân



Ví dụ minh họa: Anh/chị rút ra bài học gì từ đoạn văn? Từ đoạn văn, em nhận thấy cần phải có ý chí và nghị lực trong cuộc sống. Bản thân em sẽ cố gắng học tập

chăm chỉ, không bỏ cuộc trước khó khăn. Lưu ý: Không trả lời quá chung chung, nên có yếu tố “bản thân” để tăng điểm

3. Tổ chức thực hiện trên lớp

Để học sinh thành thạo các “công thức” trên, tôi đã triển khai nhiều hình thức dạy học:

Dạy mẫu: Giáo viên làm mẫu từng dạng câu hỏi; phân tích từng bước trả lời

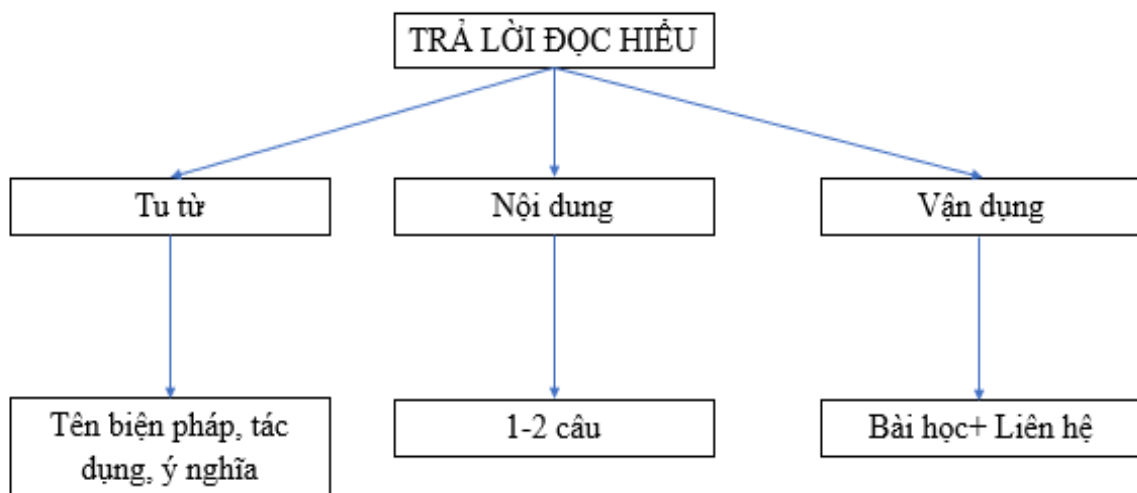
Luyện tập theo dạng: Cho học sinh làm bài theo từng dạng riêng; sau đó tổng hợp

Chữa bài chi tiết: Tôi chỉ rõ sai ở đâu; viết lại câu đúng

Cho học sinh tự sửa bài: Học sinh tự nhận lỗi; viết lại theo công thức

Ghi nhớ bằng sơ đồ

Ví dụ sơ đồ:



Lỗi thường gặp và cách sửa

Trong quá trình giảng dạy, tôi tổng hợp các lỗi phổ biến:

Lỗi	Biểu hiện	Cách sửa
Trả lời dài dòng	Viết nhiều nhưng không đúng ý	Hướng dẫn viết ngắn gọn
Thiếu ý	Không đủ nội dung	Áp dụng công thức
Sai trọng tâm	Không đúng yêu cầu	Đọc kỹ đề
Diễn đạt yếu	Câu văn lủng củng	Cho viết lại

Ví dụ sửa lỗi: HS viết: “Đoạn văn nói nhiều thứ về cuộc sống và con người...”; Sửa: “Đoạn văn nêu vai trò của ý chí trong cuộc sống.”

4. Hiệu quả của giải pháp

Sau khi áp dụng giải pháp tại các lớp 9C, 9D, 9E, tôi nhận thấy: Câu trả lời của học sinh rõ ràng, mạch lạc hơn; giảm đáng kể lỗi lan man, thiếu ý; học sinh biết cách trình

bày khoa học; tỷ lệ đạt điểm tối đa tăng rõ rệt: Cụ thể: Hơn 80% học sinh trả lời đúng cấu trúc, số bài đạt điểm cao tăng đáng kể. Học sinh tự tin hơn khi làm bài

5. Ý nghĩa của giải pháp

Giải pháp này không chỉ giúp học sinh làm tốt phần đọc hiểu mà còn: Nâng cao kỹ năng diễn đạt; phát triển tư duy logic; hình thành thói quen làm việc khoa học. Đây là một kỹ năng quan trọng, có thể áp dụng lâu dài trong học tập và cuộc sống.

Giải pháp 4: Luyện tập theo chuyên đề (đây là trọng tâm)

1. Mục tiêu của giải pháp

Trong quá trình giảng dạy, tôi nhận thấy rằng việc rèn kỹ năng đọc hiểu nếu chỉ dạy lý thuyết hoặc luyện tập rời rạc sẽ không mang lại hiệu quả cao. Học sinh dễ quên, không hình thành được kỹ năng bền vững và khó vận dụng khi gặp đề thi tổng hợp. Vì vậy, việc tổ chức luyện tập theo chuyên đề là giải pháp mang tính trọng tâm, giúp học sinh: Tiến bộ từng bước, từ dễ đến khó; nắm chắc từng dạng câu hỏi trước khi chuyển sang dạng khác; hình thành kỹ năng làm bài một cách hệ thống; tăng khả năng ghi nhớ lâu dài; tự tin khi làm bài tổng hợp

Giải pháp này đặc biệt phù hợp với đối tượng học sinh lớp 9 trong giai đoạn ôn thi, khi các em cần củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng một cách bài bản.

2. Kế hoạch thực hiện

Để đảm bảo tính khoa học và hiệu quả, tôi xây dựng kế hoạch luyện tập theo chu trình 4 tuần, lặp lại nhiều lần trong quá trình ôn thi:

Tuần	Nội dung	Mục tiêu
Tuần 1	Nhận biết	Nắm chắc các dạng cơ bản
Tuần 2	Thông hiểu	Hiểu nội dung văn bản
Tuần 3	Vận dụng	Biết liên hệ, rút bài học
Tuần 4	Tổng hợp	Làm bài hoàn chỉnh

Giải thích chi tiết từng giai đoạn:

Tuần 1 – Nhận biết: Tập trung rèn các dạng câu hỏi dễ như: Phương thức biểu đạt; biện pháp tu từ; phong cách ngôn ngữ. Mục tiêu là giúp học sinh đạt điểm chắc chắn ở phần cơ bản.

Tuần 2 – Thông hiểu: Luyện: Nội dung chính; ý nghĩa câu

Mục tiêu: Nâng cao khả năng hiểu văn bản.

Tuần 3 – Vận dụng: Luyện: Rút ra bài học; liên hệ bản thân

Mục tiêu: Phát triển tư duy và khả năng diễn đạt.

Tuần 4 – Tổng hợp: Làm đề hoàn chỉnh gồm đầy đủ các dạng câu hỏi.

Mục tiêu: Luyện kỹ năng làm bài thi thực tế.

3. Tổ chức mỗi buổi học

Mỗi buổi học đọc hiểu được thiết kế theo một quy trình rõ ràng nhằm đảm bảo học sinh được luyện tập đầy đủ và hiệu quả.

Lựa chọn văn bản

Văn bản ngắn gọn (150–300 chữ), nội dung gần gũi, phù hợp với học sinh, có đủ các dạng câu hỏi

Xây dựng hệ thống câu hỏi

Mỗi văn bản gồm 4 câu: Nhận biết, thông hiểu, nhận biết (tu từ), vận dụng

Tổ chức hoạt động trên lớp

Bước 1: Học sinh đọc văn bản; bước 2: Làm bài cá nhân; bước 3: thảo luận nhóm; bước 4: Giáo viên chữa bài

Chữa bài chi tiết (rất quan trọng)

Giáo viên cần phân tích từng câu hỏi, chỉ rõ lỗi sai, đưa ra câu trả lời mẫu

4. Ví dụ thực tế

Đề bài: “Không có thành công nào đến dễ dàng. Mỗi người đều phải trải qua khó khăn, thử thách. Chính những điều đó giúp con người trưởng thành và mạnh mẽ hơn.”

Câu hỏi:

1. Phương thức biểu đạt
2. Nội dung chính
3. Biện pháp tu từ
4. Bài học rút ra

Hướng dẫn học sinh trả lời:

Câu 1: Phương thức nghị luận

Câu 2: Đoạn văn nói về vai trò của khó khăn trong việc giúp con người trưởng thành

Câu 3: Biện pháp liệt kê (khó khăn, thử thách); tác dụng: làm nổi bật những yếu tố giúp con người trưởng thành

Câu 4: Cần kiên trì, không bỏ cuộc trước khó khăn

Phân tích lỗi học sinh thường gặp: Không xác định được phương thức; trả lời nội dung quá dài; không nêu tác dụng tu từ; bài học chung chung, chưa gạch ý nêu cụ thể.

5. Tăng cường luyện tập nâng cao

Sau khi học sinh đã nắm vững, tôi tiến hành: Tăng độ dài văn bản; đưa vào văn bản khó hơn, cho học sinh làm đề thi thử ở cụm miền, tham khảo đề tỉnh bạn.

6. Kết hợp với các phương pháp khác

Giải pháp này được kết hợp với:

- Giải pháp 1: nhận diện dạng
- Giải pháp 2: đọc nhanh
- Giải pháp 3: trả lời theo công thức, tạo thành hệ thống hoàn chỉnh

7. Hiệu quả của giải pháp

Sau khi áp dụng tại các lớp 9C, 9D, 9E, kết quả đạt được rất tích cực:

- Học sinh tiến bộ rõ rệt qua từng tuần; kỹ năng làm bài được cải thiện; tỷ lệ làm đúng tăng cao; học sinh nhớ lâu, không bị quên

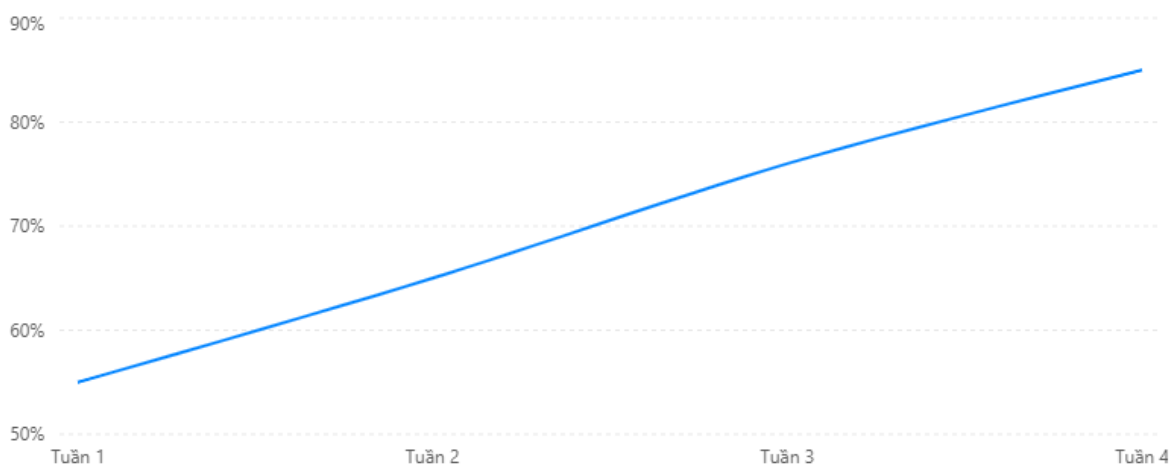
Cụ thể: Hơn 85% học sinh làm đúng câu nhận biết. Khoảng 75–80% làm tốt câu thông hiểu. Câu vận dụng có tiến bộ rõ

8. Ý nghĩa của giải pháp

Giải pháp luyện tập theo chuyên đề có ý nghĩa quan trọng: Giúp học sinh học chắc, không học “qua loa”. Tạo nền tảng vững chắc cho thi cử Phát triển tư duy hệ thống

Đây là giải pháp mang tính cốt lõi, quyết định hiệu quả của toàn bộ quá trình rèn kỹ năng đọc hiểu.

Mức độ tiến bộ của học sinh qua 4 tuần luyện tập chuyên đề.



Biểu đồ diễn đạt mức độ của học sinh qua 4 tuần luyện tập chuyên đề

Giải pháp 5: Sử dụng sơ đồ tư duy trong rèn kỹ năng đọc hiểu

1. Mục tiêu của giải pháp

Trong quá trình dạy học, tôi nhận thấy một trong những khó khăn lớn của học sinh khi học phần đọc hiểu là không hệ thống được kiến thức. Các em thường học rời rạc, nhớ trước quên sau, không biết cách liên kết các dạng câu hỏi với nhau. Điều này dẫn đến việc làm bài thiếu logic, dễ nhầm lẫn và kém hiệu quả.

Xuất phát từ thực tế đó, tôi đã áp dụng phương pháp sử dụng sơ đồ tư duy nhằm giúp học sinh:

- Ghi nhớ kiến thức một cách khoa học, có hệ thống

- Nhìn thấy mối liên hệ giữa các dạng câu hỏi đọc hiểu
- Phát triển tư duy logic và tư duy tổng hợp
- Tăng khả năng tự học và tự ôn tập
- Giảm áp lực học thuộc lòng máy móc

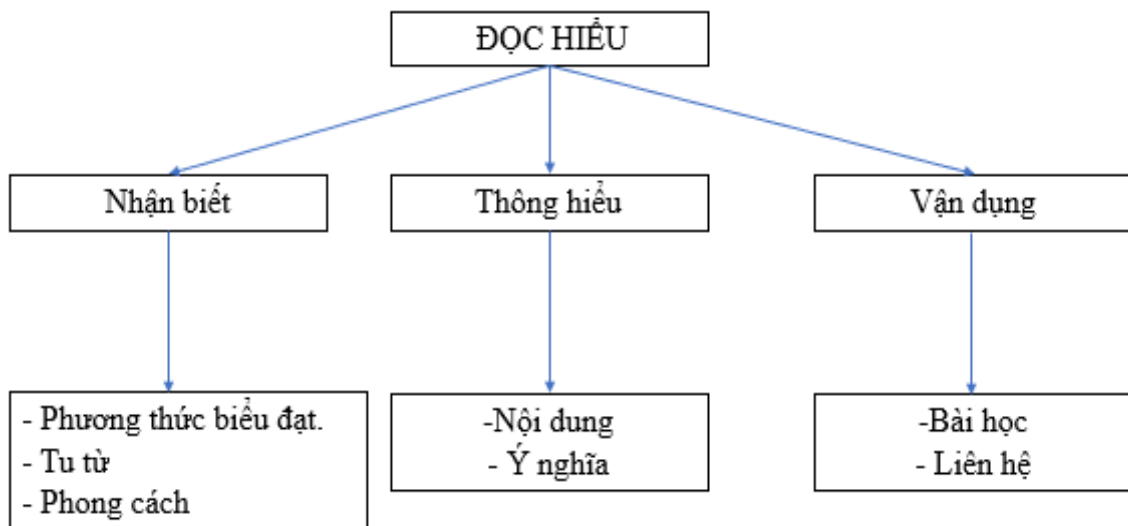
Sơ đồ tư duy là một công cụ học tập hiện đại, phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh THCS, giúp các em học tập nhẹ nhàng nhưng hiệu quả.

2. Nội dung thực hiện

Để triển khai giải pháp, tôi tiến hành xây dựng hệ thống sơ đồ tư duy cho phần đọc hiểu theo hướng đơn giản, dễ hiểu và dễ áp dụng.

2.1. Sơ đồ tổng quát phần đọc hiểu

Dưới đây là sơ đồ cơ bản mà tôi sử dụng trong giảng dạy:



Phân tích sơ đồ:

- Trung tâm là “Đọc hiểu” → nội dung chính
- Ba nhánh lớn tương ứng với 3 mức độ câu hỏi
- Mỗi nhánh có các nội dung cụ thể

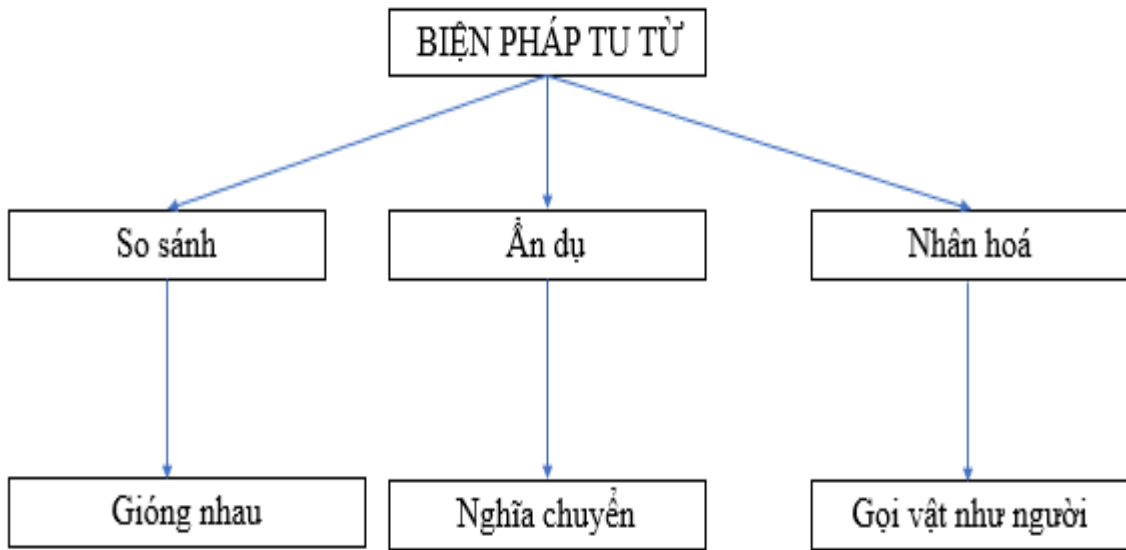
Sơ đồ này giúp học sinh:

- Nhìn tổng thể kiến thức
- Phân biệt rõ từng dạng câu hỏi

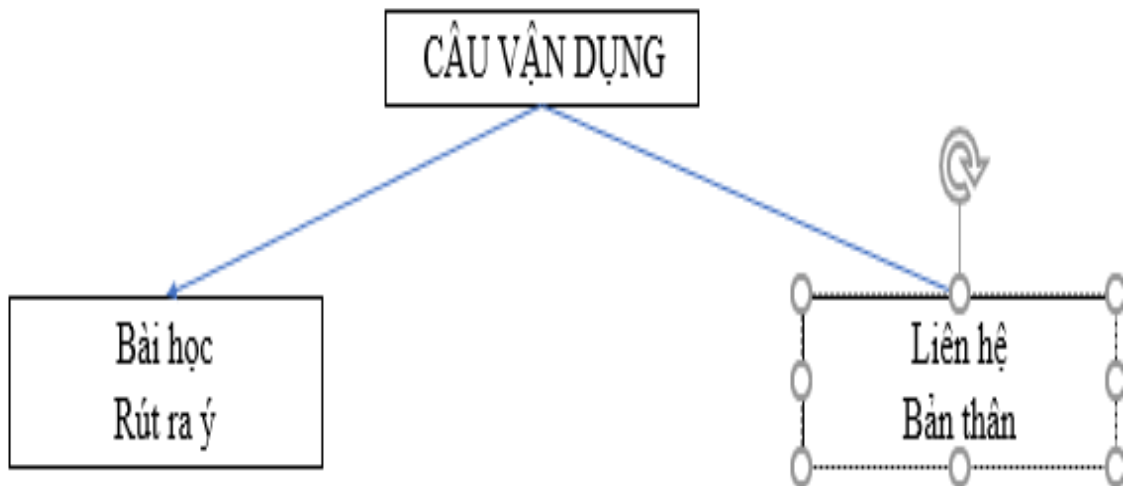
2.2. Sơ đồ chi tiết từng dạng

Ngoài sơ đồ tổng quát, tôi còn hướng dẫn học sinh xây dựng sơ đồ chi tiết.

Ví dụ: Sơ đồ biện pháp tu từ



Ví dụ: Sơ đồ câu vận dụng



2.3. Nguyên tắc xây dựng sơ đồ

Khi hướng dẫn học sinh, tôi đưa ra các nguyên tắc:

- Ngắn gọn, dễ hiểu, sử dụng từ khóa, không viết dài dòng, có thể dùng màu sắc (nếu vẽ giấy)

3. Cách thực hiện trên lớp

Để học sinh thực sự làm chủ phương pháp này, tôi triển khai theo các bước cụ thể:

3.1. Giáo viên làm mẫu

Ở giai đoạn đầu, giáo viên: Vẽ sơ đồ trên bảng, giải thích từng nhánh, liên hệ với bài học.

3.2. Học sinh thực hành

Sau khi quan sát, học sinh: Tự vẽ sơ đồ vào vở, làm theo hướng dẫn



3.3. Hoạt động nhóm: Chia lớp thành các nhóm mỗi nhóm xây dựng một sơ đồ, trình bày trước lớp



Hoạt động nhóm vẽ sơ đồ tư duy

3.4. Ứng dụng trong ôn tập

Trước khi kiểm tra: Học sinh ôn lại bằng sơ đồ, nhớ nhanh, không cần đọc nhiều

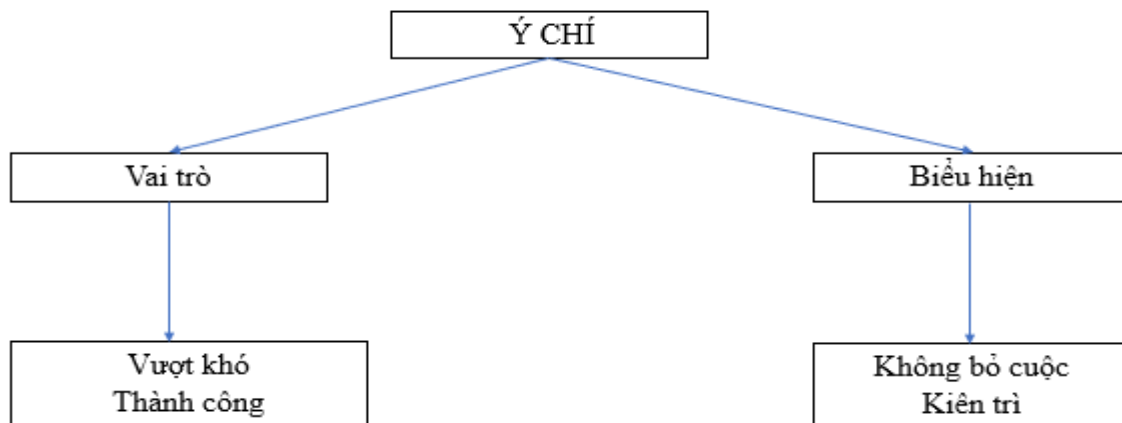
4. Kết hợp công nghệ

Nếu có điều kiện: Dùng PowerPoint, sử dụng phần mềm sơ đồ

4.1. Ví dụ minh họa thực tế

Bài học: Đọc hiểu văn bản về ý chí

Giáo viên yêu cầu học sinh vẽ sơ đồ:



Tác dụng: Học sinh hiểu nhanh nội dung, dễ nhớ khi làm bài

e. Những lỗi học sinh thường gặp

Lỗi	Biểu hiện	Cách khắc phục
Vẽ quá rườm rà	Nhiều chữ	Chỉ dùng từ khóa
Không logic	Sắp xếp sai	Hướng dẫn lại
Không biết vẽ	Thiếu kỹ năng	Giáo viên làm mẫu

5. Hiệu quả của giải pháp

Sau khi áp dụng tại các lớp 9C, 9D, 9E, tôi nhận thấy: Học sinh nhớ kiến thức lâu hơn, hiểu rõ cấu trúc phân đọc hiểu, làm bài nhanh và chính xác hơn, không còn học vẹt

Cụ thể: Hơn 80% học sinh biết tự vẽ sơ đồ, tỷ lệ làm đúng dạng câu hỏi tăng rõ, học sinh hứng thú hơn trong giờ học

6. Ý nghĩa của giải pháp

Việc sử dụng sơ đồ tư duy không chỉ giúp học sinh học tốt phân đọc hiểu mà còn: Phát triển tư duy hệ thống, tăng khả năng sáng tạo

-Hình thành phương pháp học tập hiệu quả

Đây là một phương pháp hiện đại, phù hợp với xu hướng đổi mới giáo dục và có thể áp dụng rộng rãi trong nhiều môn học.

Giải pháp 6: Tăng cường kiểm tra – đánh giá

1. Mục tiêu của giải pháp

Trong quá trình rèn kỹ năng đọc hiểu cho học sinh, việc kiểm tra – đánh giá giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Đây không chỉ là khâu cuối cùng để xác định kết quả học tập mà còn là công cụ giúp giáo viên điều chỉnh phương pháp dạy học và giúp học sinh nhận ra những hạn chế của bản thân.

Thực tế cho thấy, nếu học sinh không được kiểm tra thường xuyên, các em dễ rơi vào tình trạng học trước quên sau, không phát hiện được lỗi sai và không có động lực để cải thiện. Ngược lại, nếu việc kiểm tra được thực hiện liên tục, có hệ thống và đi kèm với hướng dẫn sửa lỗi cụ thể, học sinh sẽ tiến bộ rất nhanh.

Xuất phát từ thực tế đó, giải pháp này được xây dựng với các mục tiêu:

- Tăng cường kiểm tra thường xuyên để theo dõi quá trình học tập của học sinh
- Phát hiện kịp thời những lỗi sai phổ biến trong bài đọc hiểu
- Giúp học sinh hiểu rõ điểm mạnh, điểm yếu của bản thân
- Rèn luyện thói quen làm bài cẩn thận, chính xác
- Tạo động lực học tập và nâng cao ý thức tự học

Đây là giải pháp mang tính hỗ trợ và củng cố, giúp các giải pháp trước đó phát huy hiệu quả tối đa.

2. Hình thức kiểm tra – đánh giá

Để đạt hiệu quả cao, tôi sử dụng nhiều hình thức kiểm tra khác nhau, phù hợp với từng giai đoạn học tập.

2.1. Kiểm tra 5 phút đầu giờ

Đây là hình thức kiểm tra nhanh, được thực hiện thường xuyên trong các tiết học.

Mục đích: Ôn lại kiến thức đã học, kiểm tra mức độ ghi nhớ của học sinh, tạo thói quen học bài

Nội dung kiểm tra: Nhận diện phương thức biểu đạt, chỉ ra biện pháp tu từ, nêu nội dung đoạn văn

Cách thực hiện: Giáo viên đưa ra một đoạn văn ngắn, học sinh trả lời 1–2 câu hỏi. Thời gian: 5 phút

Ví dụ:

Đoạn văn: “Ý chí giúp con người vượt qua khó khăn và đạt được thành công.”

Câu hỏi: Xác định nội dung chính

2.2. Bài tập về nhà

Bài tập về nhà giúp học sinh có thời gian suy nghĩ kỹ hơn và rèn luyện thường xuyên.

Yêu cầu: Làm đầy đủ các câu hỏi đọc hiểu, trình bày rõ ràng

Cách tổ chức: Giao bài theo chuyên đề, kiểm tra định kỳ

Lợi ích: Rèn luyện kỹ năng lâu dài, tăng khả năng tự học

2.3. Thi thử – kiểm tra định kỳ

Đây là hình thức đánh giá tổng hợp, giúp học sinh làm quen với áp lực phòng thi.

Đặc điểm: Đề thi giống cấu trúc thật, thời gian làm bài đầy đủ

Mục đích: Đánh giá toàn diện, rèn tâm lý thi

3. Cách chấm chữa bài

Khâu chấm chữa bài đóng vai trò quyết định trong việc giúp học sinh tiến bộ. Nếu chỉ chấm điểm mà không chỉ ra lỗi sai, học sinh sẽ không biết cách sửa.

3.1. Nguyên tắc chấm bài

-Chấm công bằng, chính xác, ghi nhận cả ưu điểm và hạn chế, nhận xét cụ thể, dễ hiểu

3.2. Cách chấm cụ thể

Giáo viên thực hiện: Gạch chân lỗi sai (từ ngữ, nội dung, diễn đạt), ghi chú bên lề, cho điểm rõ ràng

3.3. Hướng dẫn sửa lỗi

Sau khi chấm, giáo viên: Viết mẫu câu trả lời đúng, giải thích vì sao sai, yêu cầu học sinh sửa lại

3.4. Tổ chức chữa bài trên lớp

Gọi học sinh trả lời, so sánh đáp án đúng – sai, phân tích chi tiết

4. Ví dụ lỗi sai và cách sửa

Ví dụ 1: Sai nội dung

HS viết: “Đoạn văn nói nhiều thứ...”

Phân tích lỗi: Trả lời chung chung, không xác định nội dung chính

Sửa: “Đoạn văn nêu vai trò của ý chí trong cuộc sống.”

Ví dụ 2: Sai cấu trúc

HS viết: “Có biện pháp so sánh.”

Lỗi: Thiếu tác dụng

Sửa: “Biện pháp so sánh giúp làm nổi bật ý chí con người.”

Ví dụ 3: Diễn đạt yếu

HS viết: “Ý chí là tốt và giúp nhiều thứ.”

Sửa: “Ý chí giúp con người vượt qua khó khăn và đạt được thành công.”

5. Phân loại lỗi học sinh

Trong quá trình chấm bài, tôi phân loại lỗi để có biện pháp phù hợp:

Loại lỗi	Biểu hiện	Cách khắc phục
Lỗi nội dung	Sai ý	Hướng dẫn đọc hiểu
Lỗi diễn đạt	Viết kém	Luyện viết
Lỗi cấu trúc	Thiếu ý	Dùng công thức
Lỗi trình bày	Câu thả	Rèn thói quen

6. Theo dõi sự tiến bộ của học sinh

Giáo viên lập bảng theo dõi: Điểm kiểm tra, số lỗi sai, mức độ tiến bộ. Từ đó: Điều chỉnh phương pháp, hỗ trợ học sinh yếu

7. Hiệu quả của giải pháp

Sau khi áp dụng tại các lớp 9C, 9D, 9E, kết quả đạt được rất rõ rệt: Học sinh tiến bộ nhanh qua từng lần kiểm tra, số lỗi sai giảm đáng kể, câu trả lời rõ ràng, đúng cấu trúc hơn học sinh có ý thức học tập tốt hơn.

Cụ thể: Tỷ lệ học sinh làm đúng tăng từ khoảng 60% lên trên 85% ,lỗi diễn đạt giảm rõ rệt, học sinh tự tin hơn khi làm bài.

8. Ý nghĩa của giải pháp

Giải pháp tăng cường kiểm tra – đánh giá không chỉ giúp nâng cao kết quả học tập mà còn: Hình thành thói quen học tập nghiêm túc, phát triển kỹ năng tự đánh giá. Tạo động lực học tập lâu dài

Đây là giải pháp mang tính bền vững, giúp duy trì và nâng cao hiệu quả của toàn bộ quá trình rèn kỹ năng đọc hiểu.

2.2. Tính mới, tính sáng tạo

Trong quá trình nghiên cứu và áp dụng sáng kiến: “*Rèn kỹ năng làm phần đọc hiểu văn bản cho học sinh lớp 9 trong quá trình ôn thi THPT*”, tôi nhận thấy rằng điểm khác biệt cốt lõi của sáng kiến không chỉ nằm ở việc đưa ra giải pháp, mà quan trọng hơn là cách tổ chức các giải pháp theo hướng hệ thống, khoa học và phù hợp với thực tiễn dạy học hiện nay. Chính điều này đã tạo nên tính mới và tính sáng tạo của sáng kiến.

Trước hết, sáng kiến đã kết hợp nhiều phương pháp dạy học hiện đại nhằm phát huy tối đa năng lực của học sinh. Thay vì chỉ sử dụng phương pháp giảng giải truyền thống, giáo viên đã linh hoạt áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực như sử dụng sơ đồ tư duy, luyện tập theo chuyên đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập... Trong đó, việc sử dụng sơ đồ tư duy được xem là một điểm nhấn nổi bật. Thông qua sơ đồ tư duy, học sinh có thể hệ thống hóa kiến thức một cách trực quan, dễ hiểu, dễ nhớ. Ví dụ, khi học về các dạng câu hỏi đọc hiểu, học sinh có thể xây dựng sơ đồ gồm ba nhánh chính: nhận biết – thông hiểu – vận dụng, từ đó phân chia tiếp thành các dạng nhỏ. Điều này giúp học sinh không bị rối khi tiếp cận nhiều dạng câu hỏi khác nhau.

Bên cạnh đó, việc tổ chức luyện tập theo chuyên đề cũng là một điểm đổi mới quan trọng. Thay vì cho học sinh làm bài đọc hiểu một cách rời rạc theo từng văn bản, giáo viên tiến hành phân chia nội dung thành các chuyên đề cụ thể như: chuyên đề nhận diện biện pháp tu từ, chuyên đề xác định nội dung chính, chuyên đề rút ra bài học... Mỗi chuyên đề được luyện tập sâu trong một khoảng thời gian nhất định, giúp học sinh nắm vững từng dạng trước khi chuyển sang dạng khác. Cách làm này giúp học sinh hình thành kỹ năng một cách bền vững, tránh tình trạng “học trước quên sau”.

Một điểm sáng tạo nổi bật của sáng kiến là việc xây dựng “công thức trả lời” cho từng dạng câu hỏi. Trên thực tế, nhiều học sinh không phải không hiểu bài mà do không biết cách trình bày câu trả lời sao cho đúng và đủ ý. Vì vậy, việc đưa ra các “công thức” cụ thể giúp học sinh có một khung sườn rõ ràng để vận dụng. Chẳng hạn, với dạng câu hỏi vận dụng, học sinh được hướng dẫn theo cấu trúc: nêu bài học → liên hệ bản thân. Với dạng câu hỏi về biện pháp tu từ, học sinh trả lời theo trình tự: gọi tên biện pháp → chỉ ra từ ngữ → nêu tác dụng. Những công thức này không mang tính rập khuôn máy móc mà đóng vai trò như một “công cụ hỗ trợ”, giúp học sinh tự tin và chủ động hơn khi làm bài.

Ngoài ra, sáng kiến còn thể hiện tính mới ở việc hệ thống hóa toàn bộ dạng câu hỏi đọc hiểu một cách khoa học và dễ tiếp cận. Trước đây, việc dạy học thường mang tính rời rạc, giáo viên đưa ra câu hỏi nào thì học sinh làm câu hỏi đó, thiếu sự liên kết giữa các dạng. Trong sáng kiến này, các dạng câu hỏi được phân loại rõ ràng theo mức độ nhận thức, đồng thời được sắp xếp theo trình tự từ dễ đến khó. Điều này giúp học sinh có cái nhìn tổng thể, hiểu được mối quan hệ giữa các dạng câu hỏi và từng bước nâng cao năng lực của mình.

Chính sự kết hợp giữa các phương pháp hiện đại, việc xây dựng công thức trả lời cụ thể và hệ thống hóa nội dung đã giúp sáng kiến khắc phục hoàn toàn cách dạy học rời rạc trước đây. Thay vào đó, quá trình dạy học trở nên logic, có định hướng rõ ràng, giúp học sinh không chỉ “biết làm” mà còn “biết cách làm”. Đây chính là yếu tố then chốt tạo nên tính sáng tạo và giá trị thực tiễn của sáng kiến.

2.3. Khả năng nhân rộng

Một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá giá trị của một sáng kiến kinh nghiệm là khả năng áp dụng rộng rãi trong thực tế. Qua quá trình triển khai, có thể khẳng định rằng sáng kiến này có tính khả thi cao và hoàn toàn có thể nhân rộng trong nhiều phạm vi khác nhau.

Trước hết, sáng kiến có thể áp dụng cho tất cả các lớp trong cấp THCS, không chỉ riêng khối lớp 9. Mặc dù nội dung được xây dựng dựa trên yêu cầu của kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10, nhưng các kỹ năng đọc hiểu là kỹ năng nền tảng, cần được hình thành từ sớm. Giáo viên các khối lớp 6, 7, 8 hoàn toàn có thể điều chỉnh mức độ và nội dung để phù hợp với trình độ học sinh, từ đó giúp các em làm quen dần với phương pháp học tập hiệu quả.

Bên cạnh đó, sáng kiến phù hợp với nhiều đối tượng học sinh khác nhau. Đối với học sinh khá, giỏi, các giải pháp giúp các em phát huy tối đa năng lực, nâng cao

khả năng tư duy và đạt điểm cao trong các kỳ thi. Đối với học sinh trung bình, yếu, các công thức trả lời và hệ thống dạng bài giúp các em có định hướng rõ ràng, giảm bớt sự lúng túng và từng bước cải thiện kết quả học tập. Nhờ đó, khoảng cách trình độ giữa các học sinh trong lớp được thu hẹp đáng kể.

Một ưu điểm khác là các giải pháp trong sáng kiến không đòi hỏi điều kiện cơ sở vật chất phức tạp. Giáo viên có thể triển khai ngay trong điều kiện lớp học bình thường, chỉ cần bảng, phấn, tài liệu và sự chuẩn bị chu đáo. Nếu có điều kiện, có thể kết hợp thêm công nghệ thông tin để tăng hiệu quả, nhưng không phải là yếu tố bắt buộc. Điều này giúp sáng kiến dễ dàng áp dụng ở nhiều trường học, kể cả những nơi còn hạn chế về điều kiện.

Ngoài ra, sáng kiến có thể triển khai trong toàn trường thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, hội thảo, chuyên đề. Giáo viên có thể chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi phương pháp, từ đó thống nhất cách dạy học phần đọc hiểu trong toàn trường. Khi được áp dụng đồng bộ, hiệu quả sẽ được nâng cao rõ rệt.

Không chỉ dừng lại ở phạm vi một trường, sáng kiến còn có thể áp dụng tại các đơn vị khác trong cùng địa phương hoặc trên diện rộng hơn. Nội dung sáng kiến mang tính phổ quát, phù hợp với chương trình giáo dục hiện hành, nên giáo viên ở nhiều nơi có thể tham khảo và vận dụng linh hoạt theo điều kiện cụ thể.

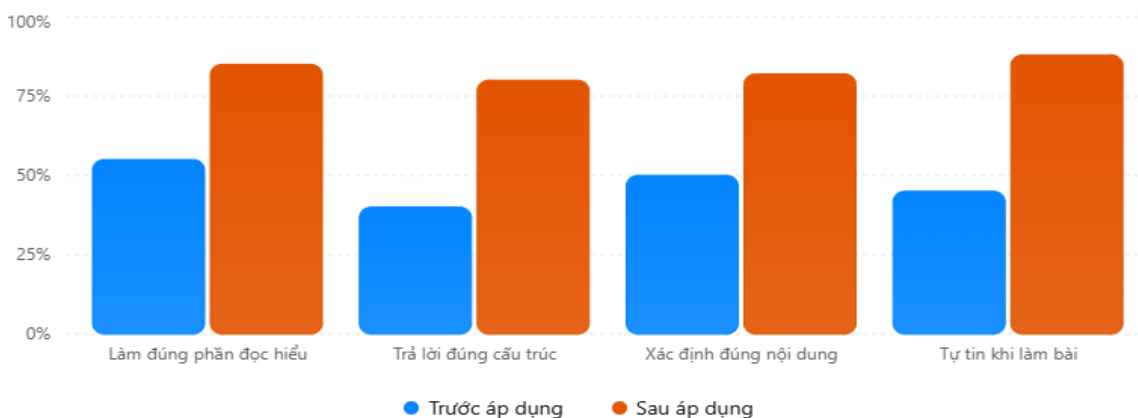
Như vậy, với tính đơn giản, dễ áp dụng, phù hợp nhiều đối tượng và không phụ thuộc nhiều vào điều kiện vật chất, sáng kiến có khả năng nhân rộng cao, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn ở nhiều đơn vị.

2.4. Hiệu quả áp dụng

Sau một thời gian áp dụng sáng kiến vào thực tế giảng dạy, tôi nhận thấy những chuyển biến tích cực rõ rệt cả về mặt khoa học, giáo dục và xã hội.

Hiệu quả áp dụng sáng kiến

So sánh kết quả học sinh trước và sau khi áp dụng sáng kiến đọc hiểu văn bản lớp 9.



Biểu đồ so sánh kết quả trước và sau áp dụng sáng kiến đọc hiểu văn bản lớp 9

Trước hết, về hiệu quả khoa học, sáng kiến đã góp phần nâng cao đáng kể kỹ năng đọc hiểu văn bản cho học sinh. Các em không còn làm bài theo cảm tính mà đã

biết cách phân tích câu hỏi, xác định yêu cầu và lựa chọn phương pháp trả lời phù hợp. Kỹ năng đọc nhanh, xác định ý chính, tìm từ khóa được cải thiện rõ rệt. Bên cạnh đó, tư duy logic của học sinh cũng được phát triển thông qua việc phân tích, so sánh, liên hệ và trình bày ý kiến. Học sinh biết cách lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc hơn so với trước đây.

Về hiệu quả giáo dục, kết quả học tập của học sinh có sự tiến bộ rõ rệt. Theo số liệu thống kê trong quá trình áp dụng, tỷ lệ học sinh làm đúng phần đọc hiểu đã tăng từ khoảng 55% lên đến 85%. Đây là một con số cho thấy sự cải thiện đáng kể về chất lượng học tập. Không chỉ vậy, thái độ học tập của học sinh cũng thay đổi tích cực. Các em trở nên hứng thú hơn với môn Ngữ văn, chủ động tham gia vào các hoạt động học tập, tích cực phát biểu ý kiến và tự tin hơn khi làm bài. Không khí lớp học trở nên sôi nổi, cởi mở, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển năng lực toàn diện.

Ngoài ra, sáng kiến còn giúp giáo viên nâng cao hiệu quả giảng dạy. Việc có một hệ thống giải pháp rõ ràng giúp giáo viên tiết kiệm thời gian, tổ chức bài học khoa học hơn và dễ dàng theo dõi tiến độ của học sinh. Giáo viên cũng có cơ sở để đánh giá chính xác năng lực của từng học sinh, từ đó điều chỉnh phương pháp dạy học cho phù hợp.

Về hiệu quả xã hội, sáng kiến góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn tại nhà trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Khi học sinh có kỹ năng đọc hiểu tốt, các em không chỉ học tốt môn Ngữ văn mà còn có khả năng tiếp cận tri thức ở các môn học khác, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Đồng thời, sáng kiến cũng góp phần hình thành cho học sinh những phẩm chất quan trọng như: tính chủ động, tinh thần tự học, khả năng tư duy độc lập – những yếu tố cần thiết trong xã hội hiện đại.

Từ những kết quả đạt được, có thể khẳng định rằng sáng kiến không chỉ mang lại hiệu quả thiết thực trong phạm vi lớp học mà còn có ý nghĩa lâu dài đối với quá trình đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục.

IV. KẾT LUẬN

Sau một thời gian nghiên cứu và triển khai sáng kiến “*Rèn kỹ năng làm phần đọc hiểu văn bản cho học sinh lớp 9 trong quá trình ôn thi THPT*” trong thực tiễn giảng dạy tại Trường THCS Trục Đại, có thể khẳng định rằng sáng kiến đã chứng minh được tính hiệu quả và tính khả thi cao. Các giải pháp được xây dựng không chỉ phù hợp với đặc điểm của học sinh mà còn đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực hiện nay.

Trước hết, về mặt hiệu quả, sáng kiến đã góp phần nâng cao rõ rệt chất lượng học tập của học sinh trong phần đọc hiểu văn bản. Học sinh không còn làm bài theo cảm tính mà đã biết cách tiếp cận văn bản một cách có hệ thống, biết phân tích yêu cầu câu hỏi và lựa chọn phương pháp trả lời phù hợp. Kỹ năng đọc nhanh, xác định ý chính, nhận diện dạng câu hỏi và trình bày câu trả lời được cải thiện đáng kể. Điều

này không chỉ giúp các em đạt điểm cao hơn trong các bài kiểm tra mà còn tạo nền tảng vững chắc cho việc học tập lâu dài.

Bên cạnh đó, sáng kiến còn góp phần quan trọng trong việc phát triển năng lực tư duy cho học sinh. Thông qua quá trình rèn luyện, học sinh được hình thành và phát triển các năng lực như: tư duy phân tích, tư duy logic, khả năng tổng hợp và liên hệ thực tế. Các em không chỉ dừng lại ở việc hiểu nội dung văn bản mà còn biết đánh giá, nhận xét và rút ra bài học cho bản thân. Đây là những năng lực cốt lõi cần thiết trong quá trình học tập và trong cuộc sống.

Không chỉ dừng lại ở kết quả trước mắt, việc rèn kỹ năng đọc hiểu còn giúp học sinh hình thành phương pháp học tập hiệu quả và bền vững. Khi đã có kỹ năng đọc hiểu tốt, học sinh có thể tự học, tự nghiên cứu tài liệu, từ đó nâng cao khả năng tiếp thu kiến thức ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Điều này phù hợp với mục tiêu giáo dục hiện đại, hướng tới việc hình thành người học có năng lực tự học và học tập suốt đời.

Từ quá trình thực hiện sáng kiến, bản thân tôi đã rút ra được một số bài học kinh nghiệm quan trọng. Trước hết, việc dạy học cần được tổ chức một cách có hệ thống. Giáo viên không nên dạy rời rạc từng bài mà cần xây dựng một lộ trình rõ ràng, phân chia nội dung theo các chuyên đề cụ thể và sắp xếp theo trình tự từ dễ đến khó. Khi có hệ thống, học sinh sẽ dễ tiếp cận, dễ ghi nhớ và dễ vận dụng hơn.

Bên cạnh đó, việc kết hợp nhiều phương pháp dạy học là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả. Không nên chỉ sử dụng một phương pháp duy nhất mà cần linh hoạt vận dụng các phương pháp khác nhau như: giảng giải, thảo luận nhóm, luyện tập thực hành, sử dụng sơ đồ tư duy, tổ chức trò chơi học tập... Sự đa dạng trong phương pháp giúp tạo hứng thú cho học sinh, đồng thời đáp ứng được nhu cầu học tập của nhiều đối tượng khác nhau.

Một bài học kinh nghiệm khác là cần tăng cường luyện tập và kiểm tra thường xuyên. Kỹ năng đọc hiểu không thể hình thành trong thời gian ngắn mà cần được rèn luyện liên tục. Việc kiểm tra thường xuyên không chỉ giúp giáo viên đánh giá được mức độ tiến bộ của học sinh mà còn giúp học sinh nhận ra những hạn chế của bản thân để kịp thời điều chỉnh. Đồng thời, việc chữa bài chi tiết, chỉ rõ lỗi sai và hướng dẫn cách sửa là rất cần thiết để nâng cao hiệu quả học tập.

Từ những kết quả đạt được và bài học kinh nghiệm rút ra, tôi xin đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của việc dạy học phần đọc hiểu văn bản.

Đối với nhà trường, cần tạo điều kiện thuận lợi để nhân rộng sáng kiến. Cụ thể, nhà trường có thể tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, trong đó giáo viên chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi phương pháp và cùng nhau hoàn thiện các giải pháp dạy học. Bên cạnh đó, cần khuyến khích giáo viên đổi mới

phương pháp, tạo môi trường học tập tích cực và hỗ trợ về tài liệu, thiết bị dạy học khi cần thiết.

Đối với giáo viên, cần chủ động nghiên cứu và áp dụng sáng kiến một cách linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của lớp học. Không nên áp dụng một cách máy móc mà cần điều chỉnh nội dung, phương pháp cho phù hợp với trình độ học sinh. Đồng thời, giáo viên cần thường xuyên tự bồi dưỡng chuyên môn, cập nhật các phương pháp dạy học mới để nâng cao hiệu quả giảng dạy.

Ngoài ra, trong bối cảnh chuyên đổi số hiện nay, việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học là hết sức cần thiết. Giáo viên có thể sử dụng các phần mềm trình chiếu, video bài giảng, ứng dụng học tập trực tuyến để hỗ trợ việc giảng dạy. Việc ứng dụng công nghệ không chỉ giúp bài học trở nên sinh động, hấp dẫn mà còn tạo điều kiện cho học sinh học tập linh hoạt hơn, đặc biệt là trong việc tự học ở nhà.

Tóm lại, sáng kiến “*Rèn kỹ năng làm phần đọc hiểu văn bản cho học sinh lớp 9 trong quá trình ôn thi THPT*” đã mang lại những kết quả tích cực và có ý nghĩa thiết thực trong thực tiễn giảng dạy. Với tính khả thi cao, dễ áp dụng và khả năng nhân rộng, sáng kiến không chỉ góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn mà còn phù hợp với xu hướng đổi mới giáo dục hiện nay. Trong thời gian tới, tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện và mở rộng phạm vi áp dụng sáng kiến nhằm đạt được hiệu quả cao hơn nữa.

Trên đây là một vài suy nghĩ nhỏ của tôi về việc rèn kỹ năng đọc hiểu cho học sinh lớp 9 qua bộ môn ngữ văn lớp 9. Với khả năng còn hạn chế và chắc chắn rằng đó vẫn chưa phải là khuôn mẫu hoàn chỉnh vì vậy kính mong quý đồng nghiệp đóng góp ý kiến để cùng nhau tìm ra một phương pháp tối ưu hơn nữa. Tôi xin chân thành cảm ơn!

Cam kết không vi phạm bản quyền.

Tôi xin cam đoan mọi thông tin nêu trong Đơn là trung thực, đúng sự thật, không sao chép, vi phạm bản quyền và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Đỗ Thị Châm

TÁC GIẢ SÁNG KIẾN

(Ký tên)

Hoàng Thị Xuyên